

Bản án số: 768/2019/HC-PT

Ngày 25 tháng 10 năm 2019

“V/v khiếu kiện quyết định hành chính
về cưỡng chế thi hành quyết định thu
hồi đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Võ Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 107/2019/TLPT-HC ngày 17 tháng 01 năm 2019 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 166/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2195/2019/QĐPT-HC ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1970 – Vắng mặt.

Địa chỉ: 942/44 Kha Vạn Cân, Tổ 2, Khu phố 2, phường Trường Thọ, quận T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Cao Minh T, sinh năm 1986; Địa chỉ: 6/41 Phan Xích Long, Phường 3, quận P, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 05/10/2018) – Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Phan Văn T¹ – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (Văn bản ủy quyền số 1003/GUQ-UBND ngày 13/9/2018) – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Nguyễn Ngọc N – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (Vắng mặt).

+ Ông Lê Xuân L – Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện T (Vắng mặt).

3. *Người kháng cáo:* Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện ông Cao Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 15/8/2018, ngày 17/8/2018 của người khởi kiện bà Nguyễn Ngọc V và người đại diện hợp pháp của bà V trình bày:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với các thửa đất số 1774, 1829, 1830, 1831, 1878 tổng diện tích 7.042 m² của gia đình bà nhưng không thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Luật đất đai năm 2013 làm xâm hại đến quyền lợi của bà. Trên phần đất có tồn tại căn nhà sử dụng ổn định từ năm 2003 nhưng không được bồi hoàn theo giá đất ở, mà chỉ bồi hoàn phần xây dựng nhà là không đúng.

Bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T; đồng thời xem xét tính hợp pháp của các quyết định liên quan gồm: Quyết định số 3809 ngày 16/11/2007; Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 30/6/2008; Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 03/3/2011 và Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T.

Tại công văn số 2123/UBND-NC ngày 27/11/2018 của người bị kiện và lời khai của người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Ủy ban nhân dân tỉnh L có công văn số 5286/UBND-NN ngày 20/12/2005 về việc cho chủ trương triển khai kê biên, bồi thường đất và tài sản trên đất để thực hiện Dự án Cụm công nghiệp Nhị Thành (Nay là Khu công nghiệp Hòa Bình).

Ngày 05/11/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Quyết định số 2763/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng Cụm công nghiệp.

Ngày 16/11/2007, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành các Quyết định số 4211/QĐ-UBND về việc thu hồi đất; Quyết định 3809/QĐ-UBND về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất đai, tài sản trên đất do thu hồi đất.

Ngày 30/6/2008, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2147/QĐ-UBND về việc chi trả hỗ trợ tài sản trên đất và hỗ trợ tái định cư (bổ sung);

Ngày 17/12/2008 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 3813/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của công dân;

Ngày 03/3/2011, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 817/QĐ-UBND về việc chi trả bồi thường bổ sung chênh lệch;

Ngày 13/02/2017, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 322/QĐ-UBND về việc đính chính một phần Điều 1 Quyết định số 3809/QĐ-UBND ngày

16/11/2017 và Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 30/6/2008 về việc chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Nguyễn Ngọc V.

Khu công nghiệp Hòa Bình có tổng diện tích 1.251.462 m²; Đã thực hiện bồi thường 275/286 hộ với 1.169.810 m²; còn lại 11 hộ dân chưa nhận tiền bồi thường diện tích 81.652 m², trong đó có hộ bà Nguyễn Ngọc V.

Ngày 23/9/2016, Sở Tư pháp có Công văn số 1135/STP-TDTHPL về việc thẩm định hồ sơ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 11 hộ dân. Kết quả hồ sơ cơ bản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trước khi ban hành quyết định cưỡng chế, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kết hợp Ủy ban nhân dân xã Nhị Thành vận động theo quy định, nhưng hộ bà V vẫn không đồng ý đơn giá bồi thường, vẫn bảo lưu ý kiến yêu cầu được bồi thường thỏa đáng mới giao đất.

Ngày 06/11/2017, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện có văn bản số 837/HĐBT-VP đề nghị cưỡng chế thu hồi đất; đồng thời Ủy ban nhân dân xã Nhị Thành có Báo cáo số 924/BC-UBND về kết quả vận động 11 hộ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành các quyết định: Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Ngọc V; Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 thành lập Ban thực hiện việc cưỡng chế thi hành Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 17/11/2017.

Qua công tác tổng đạt và vận động, bà V đã nhận Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 và Thông báo số 1302/TB-UBND ngày 23/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản vì không thống nhất đơn giá bồi thường thu hồi đất.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc V.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 166/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh L đã quyết định:

Áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc V về việc hủy Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/11/2018, ông Cao Minh T là người đại diện hợp pháp của người khởi kiện có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc V, hủy Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Cao Minh T giữ nguyên kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V vì các lý do: Quyết định số 3074 là để cưỡng chế thi

hành quyết định số 4211 thu hồi đất và quyết định số 3809 về bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất nhưng cả hai quyết định này đều không đúng quy định của pháp luật, vì tại Điều 40 Luật đất đai năm 2003 quy định Nhà nước chỉ thu hồi đất để xây dựng khu công nghiệp, không có quy định Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cụm công nghiệp, nhưng quyết định số 4211 thu hồi đất xây dựng cụm công nghiệp là sai; Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP có quy định nếu trên đất bị thu hồi có nhà ở thì được bồi thường theo giá đất ở không vượt quá hạn mức giao đất ở, nhưng bà V không được bồi thường giá đất ở đối với diện tích có nhà ở của bà; Về trình tự thu hồi đất cũng không đúng vì chưa có quyết định thu hồi đất thì đã thực hiện việc kiểm đếm; Ủy ban nhân dân không ban hành thông báo thu hồi đất theo quy định tại Điều 39 Luật đất đai năm 2003; Việc ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất cùng một ngày cũng là không đúng, không đảm bảo cho việc lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại Điều 56 Nghị định 84/2007/NĐ-CP. Quyết định số 3074 cưỡng chế thi hành các quyết định sai nên nội dung của Quyết định 3074 cũng sai, đề nghị hủy Quyết định số 3074 và các quyết định có liên quan như quyết định 4211 và số 3809.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo trong thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm; Về nội dung kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện là không có căn cứ nên đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại văn bản ngày 05/10/2018 có nội dung bà Nguyễn Ngọc V ủy quyền cho ông Cao Minh T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; Đơn kháng cáo của ông Cao Minh T đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để xem xét giải quyết phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1, Khoản 6 Điều 205 và Điều 206 Luật tố tụng hành chính.

[2] Tại Quyết định số 129/2018/QĐST-HC ngày 01/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh L hoãn phiên tòa ngày 01/10/2018 với lý do người đại diện hợp pháp của người khởi kiện vắng mặt, nhưng trong hồ sơ vụ án không có biên bản phiên tòa ngày 01/10/2018 là vi phạm Điều 166 Luật tố tụng hành chính, và do vậy không có căn cứ để xác định người bị kiện, người đại diện hợp pháp của người bị kiện có mặt tại phiên tòa ngày 01/10/2018 hay là không?

Ngày 15/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh L mở phiên tòa theo thủ tục rút gọn nhưng do phát sinh tình tiết mới, nên đã ban hành Quyết định số 02/2018/QĐST-HC ngày 15/10/2018 chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường. Tại Biên bản phiên tòa rút gọn ngày 15/10/2018 thể hiện thẩm phán có tiến hành đối thoại,

nhưng tại phiên tòa này không có mặt người đại diện hợp pháp của người bị kiện, còn người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện thì không có thẩm quyền đại diện người bị kiện để thực hiện việc đối thoại. Do đó không có căn cứ để xác định vụ án có thuộc các trường hợp không tiến hành đối thoại được theo quy định tại Điều 135 Luật tổ tụng hành chính hay là không?

Trong quá trình chuyển sang giải quyết vụ án theo thủ tục thông thường, Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo đồng thời cũng không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại theo quy định tại các điều 136, 137, 138 và 139 của Luật tổ tụng hành chính, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

[3] Quyết định bị khởi kiện (Quyết định 3074/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T) là nhằm để củng cố thi hành Quyết định số 4211/QĐ-UBND ngày 16/11/2007 của Ủy ban nhân dân huyện T nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại không xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 4211/QĐ-UBND ngày 16/11/2007 của Ủy ban nhân dân huyện T và các quyết định có liên quan vì cho rằng đã hết thời hiệu và Tòa án không được quyền xét xử đối với các quyết định hành chính liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 193 và khoản 6 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính. Nhận định trên của cấp sơ thẩm là không đúng quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính và mục 5 phần V Văn bản số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn: *“Trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện”*.

[4] Do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định trên nên không chấp nhận.

[5] Án phí hành chính sơ thẩm được xác định khi giải quyết sơ thẩm lại.

[6] Bà Nguyễn Ngọc V không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 166/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh L và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử lại.

3. Án phí hành chính sơ thẩm được xác định khi giải quyết sơ thẩm lại.

4. Bà Nguyễn Ngọc V không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0000187 ngày 20/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh L.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh L
(Kèm hồ sơ vụ án);
- VKSND tỉnh L;
- Cục THADS tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công